

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2023/DS-PT
Ngày 25 tháng 9 năm 2023
V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang;

Các Thẩm phán: ông Lê Thanh Hoàng; ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2023/TLPT-DS ngày 31/7/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân thị xã Y, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2023/QĐ-PT ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chùa A; địa chỉ: ấp G, xã P, huyện Y (nay là phường P, thị xã Y), tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Sư B (thê danh: C, sinh năm 1960) – Trụ trì Chùa A.

Người đại diện theo ủy quyền: ông D, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy ủy quyền ngày 14/9/2022; chỗ ở hiện nay: khóm G, phường P, thị xã Y, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bị đơn: ông L, sinh năm 1946; bà H, sinh năm 1958; cùng cư trú: ấp H, xã P, huyện Y (nay là khóm H, phường P, thị xã Y), tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư T – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 10 N, phường M, TP. X, tỉnh An Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông V, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ 9, khóm Xuân Phú, phường Y, thị

xã Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thành Phương, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện Y (nay là khóm H, phường P, thị xã Y), tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thành, sinh năm 1980, vắng mặt;

4. Ông Trần Văn Được, sinh năm 1987, vắng mặt;

5. Ông Trần Văn Phước, sinh năm 1989, vắng mặt;

6. Chị Trần Thị Hiền, sinh năm 1996, vắng mặt;

7. Chị Trần Tố Quyên, sinh năm 2000, vắng mặt;

8. Chị Trần Thị Tura, sinh năm 2004, vắng mặt;

9. Cháu Chau Quý, sinh ngày 30/5/2007, vắng mặt;

10. Cháu Trần Tấn Phát, sinh ngày 20/4/2019, vắng mặt;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Chau Quý, cháu Trần Tấn Phát: bà Trần Thị Thành (mẹ ruột), vắng mặt.

11. Cháu Trần Ngọc Tuyên, sinh ngày 20/5/2019, vắng mặt;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Ngọc Tuyên: bà Trần Thị Tura (mẹ ruột), vắng mặt.

Cùng cư trú: khóm H, phường P, thị xã Y, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: bị đơn ông L và bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chùa A (do người đại diện theo uỷ quyền ông D) trình bày:

Vào năm 2013, được ông V hiến tặng ngôi chùa gắn liền với diện tích 5.700 m², việc hiến cúng của ông V có lập văn bản. Đến năm 2015, Chùa A được công nhận là cơ sở thờ tự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam theo Quyết định số 075/QĐ.BTS ngày 05/10/2015 của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh An Giang. Ngày 20/09/2016, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh An Giang có Quyết định số 099/QĐ.BTS bổ nhiệm thầy B, thế danh C chính thức trụ trì Chùa A thuộc ấp G, xã P, huyện Y, tỉnh An Giang.

Hiện tại, Chùa A chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với tư cách trụ trì thầy B – đại diện Chùa A tiến hành kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L, bà H có nhà ở trên đất đứng ra tranh chấp, nên Chùa A không thực hiện được việc kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên cơ sở Bản trích đo địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y, lập ngày 06/5/2020 xác định:

- Về đất: Thửa 97, tại các điểm 20, 74, 24, 25, 30, 31, 32, 62, 63, 64, 65, 6,

7, 8, 9, 13 về 20 với diện tích 3.031,8 m², chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ do Chùa A quản lý.

- Về nhà:

+ Nhà A được xác định từ các điểm số 10, 11, 12, 72 về 10 với diện tích 39,2 m², chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở do Chùa A quản lý;

+ Nhà B được xác định từ các điểm số 2, 1, 60, 61, 66, 67, 68, 70, 71, 4, 3, 2 về 1 với diện tích 90,3 m², chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở do ông L và bà H đang sử dụng;

+ Nhà bếp được xác định từ các điểm 71, 70, 68, 69, 5 về 71 với diện tích 7,7 m², chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở do ông L và bà H đang sử dụng;

+ Nhà C được xác định từ các điểm số 21, 73, 23, 22 về 21 với diện tích 37,9 m², chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở do Chùa A quản lý.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện của nguyên đơn trình bày yêu cầu:

- Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp đối với diện tích đất 2.668,2 m² (5.700 m² – 3.031,8 m²); yêu cầu công nhận diện tích 3.031,8 m², thửa số 97, tại các điểm 20,74,24,25,30,31,32,62,63,64,65,6,7,8,9, 13 về 20 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Y lập ngày 06/5/2020 cho Chùa A;

- Buộc bà H và ông L di dời nhà và vật kiến trúc để trả lại cho Chùa A diện tích 90,3 m² (Nhà B), tại các điểm 2, 1, 60, 61, 66, 67, 68, 70, 71, 4, 3, 2 về 1; diện tích 7,7 m² (Nhà bếp), tại các điểm 71, 70, 68, 69, 5 về 71 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Y lập ngày 06/5/2020;

- Ngoài ra, Chùa A sẽ hỗ trợ cho bị đơn 01 nền nhà diện tích ngang 5m x 20m tại phường P, thị xã Y, tỉnh An Giang; hỗ trợ chi phí di dời là 20.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: các khoản tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá là 1.000.000 đồng và công đo đạc là 1.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu không yêu cầu bị đơn hoàn lại.

Tại phiên toà sơ thẩm bị đơn vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết bị đơn trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là vào năm 1977, bà E có cho bà I diện tích đất tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện Y, tỉnh An Giang, có làm giấy tay tặng cho nhưng đã bị thất lạc không còn nữa. Vào năm 2006, bà E tặng cho ông Út T (anh ruột bà H) diện tích đất này để cất một căn nhà kết cấu khung gỗ vách lá. Đến năm 2014, ông T tốt chết thì con ông Út T (Nguyễn Thành P) bán lại cho vợ, chồng bà theo giấy mua bán nhà ngày 05/12/2014, với diện tích nhà ngang 07m, dài 11m, giá chuyển nhượng 30.000.000 đồng, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ, vợ chồng bà đã giao đủ tiền và đã quản lý căn nhà từ đó. Theo tờ đồng thuận ngày 12/03/2016 do nguyên đơn cung cấp thì ông L không có lãn tay, để thỏa thuận chọn phương án 01 theo 03 phương án của Chùa A đưa ra. Vợ, chồng bà yêu cầu giám định dấu vân tay của ông L trong tờ đồng thuận lập ngày 12/03/2016. Thống nhất diện tích tranh chấp theo Bản trích đo địa chính của Văn

phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y, lập ngày 06/05/2020, cụ thể: Nhà B được xác định từ các điểm số 2,1,60,61,66,67,68,70,71,4,3,2 về 1 với diện tích 90,3 m², chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở, do ông L và bà H đang sử dụng; Nhà bếp được xác định từ các điểm số 71,70,68,69,5 về 71 với diện tích 7,7 m², chưa được cấp quyền sở hữu nhà ở, do ông L và bà H đang sử dụng. Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông V trình bày: Nguồn gốc đất của Chùa A là của gia đình ông, vào năm 1991 ông và gia đình có mời bà I (mẹ của ông L) về trông coi hương khói cho chùa, tâm nguyện của ông muốn hiến tặng đất và chùa để tham gia giáo hội. Đến năm 2013, thầy B (thê danh C) về quản lý nên ông thống nhất hiến tặng đất và chùa cho Chùa A từ đó đến nay.

Những người làm chứng là Võ Cẩm V, Đoàn Ngọc M, Nguyễn Đình S khai: xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ông V hiến tặng cho Chùa A. Khoảng năm 1988 – 1989, ông Nguyễn Văn T về xin ở nhờ trong khuôn viên chùa và cất nhà ở. Đến năm 2011, ông T chết thì con là Nguyễn Thành P bán lại căn nhà cho vợ chồng ông L, bà H chỉ bán nhà không bán đất, vì đất của chùa. Tại tờ đồng thuận ghi ngày 12/3/2016 thì bà V, M, ông S và các hộ dân khác có ký tên thống nhất với các phương án đưa ra của chùa, lúc đó ông L cũng có mặt và đồng ý ký tên lựa chọn phương án 1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân thị xã Y đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chùa A được quyền quản lý, sử dụng diện tích 3.031,8 m², Thửa 97, tại các điểm 20, 74, 24, 25, 30, 31, 32, 62, 63, 64, 65, 6, 7, 8, 9, 13 về 20 tọa lạc tại khóm H, phường P, thị xã Y theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Y lập ngày 06/5/2020.

- Buộc ông L, bà H di dời nhà và vật kiến trúc trả lại cho chùa A diện tích đất 90,3 m² (Nhà B), tại các điểm 2, 1, 60, 61, 66, 67, 68, 70, 71, 4, 3, 2 về 1; diện tích đất 7,7 m² (Nhà bếp), tại các điểm 71, 70, 68, 69, 5 về 71 theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Y lập ngày 06/5/2020.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chùa A (do thầy B, đại diện theo pháp luật) đối với bị đơn là bà H, ông L về yêu cầu tranh chấp đối với diện tích đất 2.668,2 m².

3. Bà H, ông L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo hộ khẩu đăng ký cùng nơi cư trú với bà H, ông L) gồm các ông, bà: Trần Thị T, Trần Văn Đ, Trần Văn P, Trần Thị H, Trần Tố Q, Trần Thị T và cháu Chau Q, Trần Tấn P (do bà Trần Thị T là mẹ ruột đại diện), cháu Trần Ngọc T (do bà Trần Thị T là mẹ ruột đại diện) được quyền lưu cư trong 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh

Y lập ngày 06/5/2020).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Chùa A có trách nhiệm đền các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn: Chùa A (do thầy B đại diện theo pháp luật) hỗ trợ cho bị đơn bà H, ông L 01 (một) nền định cư với diện tích ngang 5m x 20m thuộc khu vực phường P, thị xã Y, tỉnh An Giang và chi phí di dời là 20.000.000 (*hai mươi triệu*) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, bị đơn ông L và bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư T trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Trần Văn M và bà I (cha mẹ ruột của ông L) quản lý, sử dụng đến nay. A Tự không phải là của bà E (mẹ của ông V). Trên đất tranh chấp có ngôi mộ ông M, ông T, con ông L là D. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết bảo đảm quyền lợi chính đáng, thiếu người tham gia tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho ông L được sử dụng đất do đã sử dụng ổn định từ năm 1977 cho đến nay.

Người đại diện theo ủy quyền của Chùa A, ông D trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm tới thời điểm này, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nguyên tắc xét xử đối với phiên tòa phúc thẩm theo quy định Điều 64 BLTTDS và thành viên HĐXX, Thư ký phiên tòa đúng thành phần như nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và Chủ tọa phiên tòa đã tiến hành đúng, đầy đủ thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm theo quy định Điều 297 BLTTDS.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86 BLTTDS và chấp hành đúng nội quy phiên tòa được quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: hồ sơ chưa thu thập chứng cứ là văn bản hiến tặng đất cho chùa của ông V. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn cung cấp đơn xin hiến đất và chùa của ông V, nhưng cũng không có giấy tờ chứng minh đây là đất thuộc quyền sử dụng của ông V. Nguyên đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu buộc bị đơn trả 77 m², nhưng khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả 90,3m² và 7,7m² là xem xét vượt quá yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, cấp sơ thẩm thụ lý xác định nguyên đơn là Chùa A là không đúng quy định tại Hiến chương VI, VII của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân thị xã Y và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông L và bà H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở xem xét giải quyết phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quyền khởi kiện:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Quyết định số 075/QĐ.BTS ngày 05/10/2015 của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang về việc công nhận Chùa A thuộc xã P, huyện Y, tỉnh An Giang là cơ sở thờ tự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Quyết định số 099/QĐ.BTS ngày 20/9/2016 của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang về việc bổ nhiệm Trụ trì chùa A thuộc xã P, huyện Y, tỉnh An Giang đối với thầy B (thế danh C, sinh năm 1960); khoản 1 Điều 63 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 (gọi tắt là Luật tín ngưỡng, tôn giáo) quy định về Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo: “1. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ và các tổ chức, cá nhân khác có *quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền khiếu nại, khởi kiện vụ án hành chính, khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật có liên quan*”; Văn bản số 062/CV.BTS ngày 11/6/2021 của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang khẳng định: chùa A có thẩm quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Y vấn đề có liên quan đến hộ dân trong đất chùa. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chùa A (do thầy B - Trụ trì) là chủ thể có đủ điều

kiện khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất trong vụ án là hiểu chưa đúng quy định tại Điều 63 Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Hiến chương VI, nhiệm kỳ 2017-2022 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (gọi tắt là Hiến chương VI) và Hiến chương VII, nhiệm kỳ 2022-2027 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (gọi tắt là Hiến chương VII). Bởi vì, Chùa A chỉ là cơ sở tôn giáo theo quy định tại khoản 14 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo; là cơ sở tôn giáo, là đơn vị cơ sở của Giáo hội theo quy định tại Điều 57 Hiến chương VI, Điều 50 Hiến chương VII. Chùa A không phải là tổ chức tôn giáo theo quy định tại khoản 13 Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo; không là tổ chức tôn giáo trong hệ thống tổ chức tôn giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được quy định tại Điều 11 Hiến chương VI, Điều 12 Hiến chương VII. Tuy Hiến chương VII, nhiệm kỳ 2022 – 2027 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (có hiệu lực ngày 26/12/2022, ngày Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự ký ban hành) có bổ sung cấp sơ sở là Ban Quản trị cơ sở tự viện, nhưng Chùa A vẫn chỉ là tự viện (cơ sở tôn giáo), nên không có tư cách pháp nhân phi thương mại theo Điều 30 Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Chính vì vậy, Chùa A không có đủ tư cách để khởi kiện. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chùa A là nguyên đơn không đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân thị xã Y và đình chỉ giải quyết vụ án như Viện Kiểm sát đề nghị.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách khởi kiện của Chùa A là do căn cứ vào Văn bản số 062/CV.BTS ngày 11/6/2021 của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang nên việc hủy bản án sơ thẩm là khách quan. Tuy nhiên, những vấn đề mà Viện kiểm sát đã chỉ ra, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, Chùa A được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm nên ông L, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 4 Điều 308, Điều 311, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân thị xã Y và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về án phí:

Chùa A (do thầy B đại diện theo pháp luật) được trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0014747 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y (nay là thị xã Y).

Ông L, bà H được trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số 009175 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND TX. Y;
- Chi cục THADS TX. Y;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang